PHCN - Bài trắc nghiệm - 25 CÂU TRẮC NGHIỆM – BÀI B6: ĐAU THẦN KINH TỌA

Câu 1 **Dây thần kinh tọa được tạo bởi sự hợp nhất của những rễ thần kinh nào?**

A. L1, L2, L3, L4, L5

B. L4, L5, S1, S2, S3

C. S1, S2, S3, S4, S5

D. L2, L3, L4, S1, S2

Câu 2 **Hai rễ thần kinh cơ bản tạo nên dây thần kinh tọa là:**

A. L3 và L4

B. L4 và S1

C. L5 và S1

D. S1 và S2

Câu 3 **Đau thần kinh tọa được định nghĩa là:**

A. Đau vùng cổ lan xuống hai tay

B. Đau ở rễ thần kinh thắt lưng L5 hoặc S1, lan theo đường đi dây thần kinh tọa

C. Đau riêng vùng khớp háng

D. Đau vùng thắt lưng không lan xuống chân

Câu 4 **Đặc điểm đường lan của đau rễ L5 là:**

A. Từ thắt lưng xuống mông, mặt sau ngoài đùi, mặt trước ngoài cẳng chân, mu chân và ngón cái

B. Từ thắt lưng xuống mặt sau đùi, gót chân và ngón út

C. Từ thắt lưng xuống mặt trước đùi và đầu gối

D. Từ thắt lưng xuống mặt trong cẳng chân

Câu 5 **Đau rễ S1 thường lan đến vị trí nào?**

A. Mu bàn chân và ngón cái

B. Mặt trước ngoài cẳng chân

C. Gót chân, gan chân, bờ ngoài bàn chân đến ngón út

D. Mặt trước đùi và đầu gối

Câu 6 **Nhóm nguyên nhân do bệnh lý đĩa đệm chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong đau thần kinh tọa?**

A. 10–20%

B. 30–40%

C. 60–90%

D. 90–100%

Câu 7 **Đau thần kinh tọa do bệnh lý đĩa đệm thường xảy ra ở vị trí nào?**

A. L1–L2 và L2–L3

B. L3–L4 và L4–L5

C. L4–L5 và L5–S1

D. S1–S2 và S2–S3

Câu 8 **Nguyên nhân nào sau đây thuộc nhóm nguyên nhân do đĩa đệm?**

A. Lồi đĩa đệm, thoát vị đĩa đệm, thoái hóa đĩa đệm

B. Viêm khớp háng

C. Viêm cơ thắt lưng chậu

D. Viêm khớp cùng chậu

Câu 9 **Trong bệnh lý trượt đốt sống, độ 2 tương ứng với mức độ trượt nào?**

A. 0–25%

B. 26–50%

C. 51–75%

D. 76–100%

Câu 10 **Đau thần kinh tọa thường khởi phát sau tác động nào?**

A. Ăn uống không đủ chất

B. Chấn thương, té ngã, mang vác nặng, ngồi hoặc đi đứng nhiều

C. Thiếu ngủ đơn thuần

D. Thay đổi thời tiết

Câu 11 **Hội chứng cột sống trong đau thần kinh tọa có biểu hiện nào?**

A. Vẹo cột sống do tư thế chống đau

B. Sốt cao kéo dài

C. Đau bụng dữ dội

D. Khó thở khi vận động

Câu 12 **Đau cột sống trong hội chứng cột sống có tính chất như thế nào?**

A. Tăng khi nghỉ ngơi, giảm khi vận động

B. Tăng khi vận động, giảm khi nghỉ ngơi

C. Không thay đổi khi vận động

D. Chỉ đau vào ban đêm

Câu 13 **Khi thực hiện nghiệm pháp tay – đất, người bệnh được yêu cầu:**

A. Nằm ngửa và nâng hai chân

B. Đứng thẳng, giữ chân thẳng, cúi tối đa và đưa tay hướng xuống đất

C. Ngồi xổm và đứng lên

D. Nằm sấp và nâng thân người

Câu 14 **Khoảng cách tay – đất bình thường là:**

A. 5 cm

B. 10 cm

C. 15 cm

D. 0 cm

Câu 15 **Khoảng Schober bình thường theo tài liệu là:**

A. 10/10 cm

B. 12/10 cm

C. 14/10 cm

D. 16/10 cm

Câu 16 **Đặc điểm đau kiểu rễ thần kinh là:**

A. Đau khu trú tại vùng thắt lưng

B. Đau lan theo sự chi phối của rễ thần kinh, tăng khi ho, hắt hơi

C. Đau chỉ xuất hiện khi ăn uống

D. Đau không liên quan đến vận động

Câu 17 **Dấu hiệu Lasegue dương tính khi góc nâng chân:**

A. Lớn hơn 90 độ

B. Bằng 90 độ

C. Nhỏ hơn 70 độ

D. Bằng 180 độ

Câu 18 **Người bệnh tổn thương rễ L5 thường có biểu hiện nào?**

A. Không đứng được bằng gót chân

B. Không đứng được bằng mũi chân

C. Không thể ngồi

D. Không thể xoay cổ

Câu 19 **Người bệnh tổn thương rễ S1 thường có biểu hiện nào?**

A. Không đứng được bằng gót chân

B. Không đứng được bằng mũi chân

C. Không thể cúi cổ

D. Không thể duỗi khuỷu tay

Câu 20 **Phương pháp chẩn đoán hình ảnh nào giúp xác định thoát vị đĩa đệm và mức độ thoát vị?**

A. X-quang phổi

B. Siêu âm bụng

C. MRI

D. Điện tâm đồ

Câu 21 **Đo điện cơ trong đau thần kinh tọa có tác dụng:**

A. Đánh giá tổn thương rễ thần kinh

B. Đánh giá chức năng gan

C. Đánh giá chức năng thận

D. Đánh giá mật độ xương

Câu 22 **Nghiệm pháp Patrick dương tính thường được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán bệnh nào?**

A. Viêm khớp cùng chậu

B. Viêm cơ thắt lưng chậu

C. Viêm khớp háng

D. Thoát vị đĩa đệm

Câu 23 **Thuốc nào sau đây thuộc nhóm giảm đau, kháng viêm được nêu trong bài?**

A. Celecoxib, meloxicam, piroxicam

B. Gabapentin, vitamin B

C. Myonal, decontractyl

D. Paracetamol, vitamin C

Câu 24 **Tác dụng cơ học của phương pháp kéo giãn cột sống thắt lưng là:**

A. Làm tăng áp lực nội đĩa đệm

B. Làm giảm áp lực nội đĩa đệm, giảm chèn ép rễ thần kinh

C. Làm tăng co cứng cơ

D. Làm hạn chế vận động cột sống

Câu 25 **Trường hợp nào sau đây là chỉ định phẫu thuật tuyệt đối trong đau thần kinh tọa?**

A. Đau nhẹ vùng thắt lưng

B. Thoát vị đĩa đệm gây hội chứng chùm đuôi ngựa

C. Đau giảm khi nghỉ ngơi

D. Đau mới xuất hiện sau vận động

Câu 26 **Tai biến mạch máu não được định nghĩa là tình trạng nào?**

A. Thiếu máu toàn thân kéo dài

B. Thiếu sót chức năng thần kinh đột ngột, triệu chứng tồn tại trên 24 giờ, loại trừ chấn thương sọ não

C. Đau đầu thoáng qua dưới 5 phút

D. Rối loạn vận động do chấn thương

Câu 27 **Hai nhóm nguyên nhân chính gây tai biến mạch máu não là:**

A. Viêm não và viêm màng não

B. Xuất huyết não và nhồi máu não

C. U não và chấn thương sọ não

D. Thiếu oxy và hạ đường huyết

Câu 28 **Tỷ lệ nhồi máu não và xuất huyết não theo tài liệu lần lượt là:**

A. 20% và 80%

B. 50% và 50%

C. 80% và 20%

D. 60% và 40%

Câu 29 **Yếu tố nào sau đây thuộc nhóm nguy cơ không thay đổi được của tai biến mạch máu não?**

A. Tăng huyết áp

B. Hút thuốc lá

C. Tuổi

D. Đái tháo đường

Câu 30 **Yếu tố nào sau đây thuộc nhóm nguy cơ có thể thay đổi được?**

A. Giới tính

B. Chủng tộc

C. Tiền sử gia đình

D. Tăng huyết áp

Câu 31 **Bệnh lý tim nào có thể gây thuyên tắc dẫn đến nhồi máu não?**

A. Rung nhĩ

B. Viêm họng

C. Viêm dạ dày

D. Viêm khớp

Câu 32 **Nguyên nhân nào sau đây có thể gây xuất huyết não?**

A. Tăng huyết áp

B. Thiếu vitamin C

C. Viêm dạ dày

D. Thiếu máu thiếu sắt đơn thuần

Câu 33 **Triệu chứng nào thường gặp ở bệnh nhân tai biến mạch máu não?**

A. Đau đầu, chóng mặt, rối loạn thị giác, rối loạn ngôn ngữ

B. Đau bụng, tiêu chảy

C. Đau khớp gối đơn thuần

D. Ngứa da toàn thân

Câu 34 **Triệu chứng vận động thường gặp trong tai biến mạch máu não là:**

A. Liệt hai chân hoàn toàn trong mọi trường hợp

B. Yếu và liệt nửa người

C. Liệt cơ mặt hai bên trong mọi trường hợp

D. Co cứng toàn thân ngay lập tức

Câu 35 **Theo tài liệu, não chiếm bao nhiêu phần trăm trọng lượng cơ thể?**

A. 2%

B. 5%

C. 10%

D. 15%

Câu 36 **Não sử dụng khoảng bao nhiêu phần trăm oxy của cơ thể?**

A. 5%

B. 10%

C. 20%

D. 40%

Câu 37 **Theo tài liệu, glucose dự trữ trong não chỉ đủ sử dụng trong khoảng thời gian nào?**

A. 30 phút

B. 15 phút

C. 5 phút

D. 2 phút

Câu 38 **Phương pháp chẩn đoán hình ảnh nào phát hiện nhồi máu não sớm với tỷ lệ khoảng 90% theo tài liệu?**

A. X-quang

B. MRI

C. Siêu âm

D. Điện cơ

Câu 39 **Biến chứng nào sau đây có thể xảy ra sau tai biến mạch máu não?**

A. Teo cơ, cứng khớp, loét do tì đè

B. Viêm dạ dày cấp

C. Viêm ruột thừa

D. Sỏi mật

Câu 40 **Ba nguyên tắc chính trong phục hồi chức năng sau tai biến mạch máu não là:**

A. Muộn, thụ động, từng phần

B. Sớm, chủ động, toàn diện

C. Nhanh, mạnh, liên tục

D. Nghỉ ngơi, bất động, hạn chế vận động

Câu 41 **Trong 24 giờ đầu, khi tình trạng bệnh cho phép, nên thực hiện biện pháp nào?**

A. Vận động mạnh ngay lập tức

B. Vận động thụ động, xoa bóp, lăn trở bệnh nhân

C. Cho bệnh nhân đi bộ liên tục

D. Không thay đổi tư thế bệnh nhân

Câu 42 **Trường hợp nào sau đây là chống chỉ định vận động sớm?**

A. Bệnh nhân tỉnh táo và ổn định

B. Bệnh nhân có độ bão hòa oxy thấp

C. Bệnh nhân có khả năng phối hợp vận động

D. Bệnh nhân đã ổn định bệnh nền

Câu 43 **Theo tài liệu, bệnh nhân cần được thay đổi tư thế bao lâu một lần để phòng ngừa loét do tì đè?**

A. 30 phút/lần

B. 1 giờ/lần

C. 2–3 giờ/lần

D. 6 giờ/lần

Câu 44 **Rối loạn nuốt ở bệnh nhân tai biến mạch máu não cần được sàng lọc và lượng giá trong thời gian nào sau nhập viện?**

A. 12 giờ

B. 24 giờ

C. 48 giờ

D. 72 giờ

Câu 45 **Mục tiêu của việc đặt bệnh nhân đúng tư thế trong phục hồi chức năng là gì?**

A. Phòng ngừa loét, co cứng và biến chứng khớp vai

B. Làm tăng tình trạng bất động

C. Hạn chế tưới máu đến vùng liệt

D. Làm giảm khả năng vận động

Câu 46 **Tỷ lệ bệnh nhân tai biến mạch máu não có rối loạn tiểu tiện theo tài liệu là:**

A. 10–20%

B. 20–30%

C. 40–60%

D. 80–90%

Câu 47 **Phương pháp điều trị co rút sau tai biến mạch máu não bao gồm:**

A. Kéo giãn, khuyến khích vận động, tập mạnh cơ

B. Bất động hoàn toàn

C. Chỉ sử dụng thuốc giảm đau

D. Hạn chế mọi hoạt động chức năng

Câu 48 **Trong phục hồi chức năng khớp vai bên liệt, cần lưu ý điều gì?**

A. Kéo mạnh tay bên liệt

B. Không được kéo tay liệt

C. Hạn chế mọi vận động khớp vai

D. Không cần tập cơ quanh khớp vai

Câu 49 **Điều kiện vận động cổ tay tối thiểu để tham gia phương pháp CIMT theo tài liệu là:**

A. Duỗi cổ tay 5°

B. Duỗi cổ tay 10°

C. Duỗi cổ tay 30°

D. Duỗi cổ tay 90°

Câu 50 **Gương trị liệu trong phục hồi chức năng sau tai biến mạch máu não có tác dụng nào?**

A. Cải thiện vận động tay, chức năng sinh hoạt hằng ngày và giảm đau

B. Chỉ cải thiện chức năng hô hấp

C. Làm tăng tình trạng co cứng cơ

D. Chỉ cải thiện khả năng nghe

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app